

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phạm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ I, khu Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Chị Phạm Ngọc M, sinh năm 1988.

Nơi cư trú trước khi đi nước ngoài: Tổ I, khu Đ, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1955.

Cư trú: Ngõ A số nhà E, H, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

(Anh Vũ Văn C, bà Phạm Thị G vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Phạm Ngọc M vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vũ Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Ngọc M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là phường M), thành phố V, tỉnh Phú Thọ

ngày 19/12/2009. Sau đến năm 2023 chị M đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản từ đó hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh đã cố gắng khắc phục nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh đề nghị ly hôn chị M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Vũ Duy A, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Vũ Minh T, sinh ngày 10/12/2015. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh C xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Chị Phạm Ngọc M hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 6692/QLXNC-P3 ngày 03/4/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị M đã xuất cảnh gần nhất ngày 25/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do anh C không biết địa chỉ của chị M ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Phạm Thị G là mẹ của chị M và được bà G cung cấp như sau: Hiện tại chị M đang ở Nhật Bản địa chỉ cụ thể bà không biết. Nhưng bà và chị M vẫn thường xuyên liên lạc qua Zalo hoặc Facebook, bà G đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị M và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của chị M ở nước ngoài, bà đã thông báo cho chị M biết xong chị M không cung cấp địa chỉ cho bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung anh C xin ly hôn chị M và chị M nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh C.

Về con chung: Bà G xác định vợ chồng anh C và chị M có hai con chung là cháu Vũ Duy A, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Vũ Minh T, sinh ngày 10/12/2015. Chị M có trao đổi với bà, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, trong thời gian chị M ở nước ngoài, bà thay mặt chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

* Tại tòa, cháu Vũ Duy A và cháu Vũ Minh T đều có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, 58,81,82,83 Luật HNGĐ; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 37 BLTTDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Văn C được ly hôn chị Phạm Ngọc M

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vũ Duy A, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Vũ Minh T, sinh ngày 10/12/2015 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu. Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Anh C chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Ngọc M đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 6692/QLXNC-P3 ngày 03/4/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định chị M đã xuất cảnh gần nhất ngày 25/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này chị M không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Anh C đề nghị xin ly hôn với chị M và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị M mà không cung cấp được địa chỉ chị M ở chỗ nào tại nước ngoài. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng thông qua mẹ đẻ của chị M là bà Phạm Thị G. Bà G đã thông báo cho chị M biết, bà G và gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị M ở đâu tại nước ngoài, bản thân chị M không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được bà G thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa anh Vũ Văn C, bà Phạm Thị G vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn C và chị Phạm Ngọc M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2009 tại UBND xã T (N là phường M), thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo Anh C trình bày giữa anh C và chị M có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên

xảy ra cãi vã. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M. Mặc dù chị M không có lời khai xong thông qua bà G là mẹ của chị M cung cấp quan điểm của chị M cũng nhất trí ly hôn với anh C. Mặt khác, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy anh C và chị M là vợ chồng nhưng không liên lạc và biết địa chỉ của nhau, theo đó cho thấy anh chị đã không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau theo nghĩa vợ chồng. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh C được ly hôn chị M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh C và chị M có hai con chung là cháu Vũ Duy A, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Vũ Minh T, sinh ngày 10/12/2015. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh C không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về phía bà G là Mẹ đẻ của chị M trình bày chị M cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Minh T, bà đồng ý nuôi dưỡng cháu T thay chị M trong thời gian chị M ở nước ngoài và bà không đề nghị được cấp dưỡng nuôi cháu T.

Xét thấy: Nguyện vọng được nuôi con chung là nguyện vọng chính đáng của anh C và chị M nên cần xem xét nguyện vọng phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đề nghị của bà G, nguyện vọng của chị M được nuôi con chung là cháu T. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần đảm bảo cuộc sống mọi mặt cho các cháu. Trên thực tế chị M đang ở nước ngoài không ở Việt Nam không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Trong khi đó, bản thân bà G là mẹ đẻ của chị M cũng không biết địa chỉ hiện tại của chị M. Các cháu Vũ Duy A và Vũ Minh T hiện đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tại tòa cháu A và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để các cháu có điều kiện sống tốt nhất và ổn định thì cần giao cháu A và cháu T cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh và hai cháu là phù hợp. Chị M có quyền khởi kiện đề nghị thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh C tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C là yêu cầu tự nguyện phù hợp với pháp luật cần xác nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2

điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn C được ly hôn chị Phạm Ngọc M.

[2] Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Vũ Duy A, sinh ngày 05/5/2010 và cháu Vũ Minh T, sinh ngày 10/12/2015. Xác nhận anh C tự nguyện không yêu cầu Chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị M có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000281 ngày 19/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường Minh Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương